TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/DS-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Nguyễn Quốc Toàn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Danh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghị – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐHPT-DS, ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số 03/2018/TB-TA, ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà Bạch Kim Ng, sinh năm 1988 (có mặt).

2. **Bị đơn**: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Ông Vũ Văn N, sinh năm 1977 (chồng bà T – vắng mặt).

Cùng địa chỉ ấp S, xã B, huyện T, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bạch Kim Ng trình bày: Ngày 13/6/2017 bà Lâm Thị T (sau đây gọi tắt là bà T) vay của bà Bạch Kim Ng (sau đây gọi tắt là bà Ng)

số tiền 360.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đồng/1.000.000 đồng/ngày. Đến ngày 08/7/2017 bà T vay thêm của bà Ng 190.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tổng cộng 03 lần là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng). Bà T có đóng lãi cho bà Ng đến ngày 20/7/2017. Đến ngày 04/8/2017 bà T trả cho bà Ng được 100.000.000 đồng tiền gốc. Còn lại 450.000.000 đồng đến nay không trả. Nay bà Ng yêu cầu vợ chồng bà Lâm Thị T, ông Vũ Văn N trả số tiền vay gốc còn thiếu là 450.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Lâm Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận vào ngày 13/6/2017 có vay của bà Ng tổng số tiền là 360.000.000 đồng, đến ngày 08/7/2017 bà T vay thêm của bà Ng là 190.000.000 đồng, tổng cộng là 550.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5000đồng/1.000.000đồng/ngày. Sau đó bà T trả cho bà Ng được 100.000.000 đồng, còn lại 450.000.000 đồng. Bà T thừa nhận chữ viết và chữ ký trong tờ giấy đề ngày 13/6/2017 và ngày 08/7/2017 có nội dung bà T vay của bà Ng tổng số tiền là 550.000.000 đồng là do bà T tự tay viết.

Bà T không đồng ý trả số tiền trên cho bà Ng vì cho rằng đây là số tiền bà T vay giùm cho bà Nguyễn Thị Chúc Linh (sau đây gọi tắt là bà Linh), yêu cầu Tòa án triệu tập bà Linh đến tham dự phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn N (sau đây gọi tắt là ông Nam) được Tòa án tống đạt Thông báo về việc tham gia tố tụng và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Tờ giấy đề ngày 13/6/2017 và ngày 08/7/2017 có nội dung bà Lâm Thị T nhận của bà Bạch Kim Ng tổng số tiền 550.000.000 đồng, Bản tự khai ngày 12/04/2018.

Bị đơn cung cấp: Bản tự khai ngày 30/01/2018, Giấy mượn tiền của bà Nguyễn Thị Chúc Linh ngày 22/7/2017; Đơn yêu cầu ngày 23/7/2018 của bà Lâm Thị T.

Tài liệu Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai bà Lâm Thị T ngày 14/5/2018, Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 12/4/2018, Biên bản về việc không tiến hành đối chất được ngày 24/8/2018; Biên bản xác minh Lãnh đạo văn phòng Huyện ủy UMT ngày 29/10/2018.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành tốt nội quy phiên tòa (phát biểu và trả lời khi chưa được phép của HĐXX, không đứng lên khi trả lời).

Về nội dung: Tại phiên tòa, bà T thừa nhận từ tháng 6 – 7 năm 2017 có vay của bà Ng tổng số tiền 550.000.000 đồng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà T, ông Nam chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Ng số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và đơn yêu cầu ngày 23/7/2018, bà Lâm Thị T cho rằng chỉ là người đứng ra vay tiền giùm cho bà Lê Thị Chúc L, yêu cầu Tòa án triệu tập bà Linh đến tham dự phiên tòa, nếu không triệu tập được bà Linh, thì bà T sẽ không đến tham dự phiên tòa.

Để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, ngày 27/7/2018 Tòa án ra Thông báo yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ của bà Linh nhưng bà T không cung cấp vì cho rằng vợ chồng bà Linh trước đây sống tại khu phố 2, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nhưng đã bỏ trốn khỏi địa phương, không biết địa chỉ cụ thể. Vì vậy Tòa án không thể triệu tập vợ chồng bà Linh vào tham gia tố tụng.

Về phía bị đơn ông Vũ Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bà T trình bày do ông Nam bận công việc nên không thể tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Bạch Kim Ng với bị đơn bà Lâm Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn N là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Cụ thể bà Ng yêu cầu vợ chồng bà T, ông Nam trả tiền vay gốc còn thiếu là 450.000.000 đồng.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa và biên bản hòa giải ngày 12/4/2017 bà T thừa nhận có vay của bà Ng số tiền 550.000.000 đồng, chữ viết và chữ ký trong giấy đề ngày 13/6/2017 và 08/7/2017 có nội dung bà T vay của bà Ng tổng số tiền 550.000.000 đồng là do bà T tự tay viết, nhưng cho rằng đây là số tiền bà T vay giùm cho bà Lê Thị Chúc L.

Tại bản tự khai ngày 30/01/2018 bà T trình bày số tiền 550.000.000 đồng là của bà Ng góp vốn làm ăn với bà Linh, bà T chỉ là người trung gian nhận tiền của bà Ng để chuyển cho bà Linh.

Tại phiên tòa, bà T trình bày lý do nhận tiền giùm cho bà Linh là do bà Ng và bà Linh không quen biết nhau nên bà T mới đứng ra nhận tiền của bà Ng để chuyển cho bà Linh. Xét lời trình bày của bà T là thiếu cơ sở vì nếu bà Ng và bà Linh không quen biết nhau thì không thể có chuyện góp vốn làm ăn. Mặt khác, bà T cho rằng, đây là số tiền của bà Linh vay của bà Ng, nên sau đó vợ chồng bà Linh có xuống gặp Thường trực và Lãnh đạo văn phòng Huyện ủy nhờ động viên bà Ng giảm lãi cho bà Linh, được bà Linh chấp nhận. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 29/10/2018, Lãnh đạo Văn phòng Huyện ủy UMT cho biết: Trước đây bà T có vay của bà Ng là 450.000.000 đồng, số tiền này bà T dùng để cho bà Linh vay lại, nhưng sau đó bà Linh không có tiền trả nên bị bà T hăm dọa thuê xã hội đen đòi nợ. Do biết bà T có ý định thuê xã hội đen đòi nợ nên vợ chồng bà Linh đến gặp Thường trực và Lãnh đạo Văn phòng Huyện ủy nhờ động viên bà T cho bà Linh thời gian trả nợ, không siết nợ theo kiểu xã hội đen. Sau đó Thường trực Huyện ủy có mời bà Ng lên để làm việc, tại buổi làm việc bà Ng trình bày là không biết bà Linh. Nội dung buổi làm việc chủ yếu là vợ chồng bà Linh nhờ Thường trực Huyện ủy động viên bà T không siết nợ vợ chồng bà Linh theo kiểu xã hội đen, không có việc thỏa thuận trả nợ giữa bà Linh với bà Ng.

Tại phiên tòa, bà T thừa nhận số tiền vay của bà Ng vợ chồng bà T, ông Nam dùng để cho bà Linh vay. Hiện bà Linh còn thiếu vợ chồng bà T, ông Nam tổng cộng là 1.327.960.000 đồng, trong đó tiền của vợ chồng bà T là 877.960.000 đồng, tiền của bà Ng là 450.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, HĐXX cho rằng, bà T nhận tiền của bà Ng để cho bà Linh vay lại thì bà T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Ng. Còn việc bà T cho rằng đây là số tiền vay giùm cho bà Linh thì có quyền khởi kiện bà Linh thành vụ kiện khác.

Về trách nhiệm trả nợ: Tại phiên tòa, bà T trình bày số tiền vay của bà Ng vợ chồng bà T, ông Nam cho bà Linh vay lại (biên nhận nợ bà Nguyễn Thị Chúc Linh ghi có mượn của ông Vũ Văn N 1.327.960.000 đồng), nên vợ chồng bà T, ông Nam phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ng số tiền 450.000.000 đồng.

Về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trong quá trình vay bà T có trả cho bà Ng được 100.000.000 đồng tiền gốc và có đóng lãi được khoảng 01 tháng, nhưng cả hai đều không nhớ rõ số tiền lãi đã đóng cụ thể

là bao nhiêu. Nguyên đơn bà Ng không yêu cầu Tòa án tính lãi suất đối với số nợ gốc, bị đơn bà T cũng không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu Tòa án xem xét lại phần lãi suất nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng bà T, ông Nam phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Bà Ng được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) theo biên lai thu số 0006762 ngày 03/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Kim Ng đối với bị đơn bà Lâm Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc vợ chồng bà Lâm Thị T, ông Vũ Văn N chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Bạch Kim Ng số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về lãi suất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên HĐXX không xem xét.

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng bà T, ông Nam phải chịu tiền án phí là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Bà Ng được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) theo biên lai thu số 0006762 ngày 03/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;

- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;

- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;

- Các đương sự;

- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh